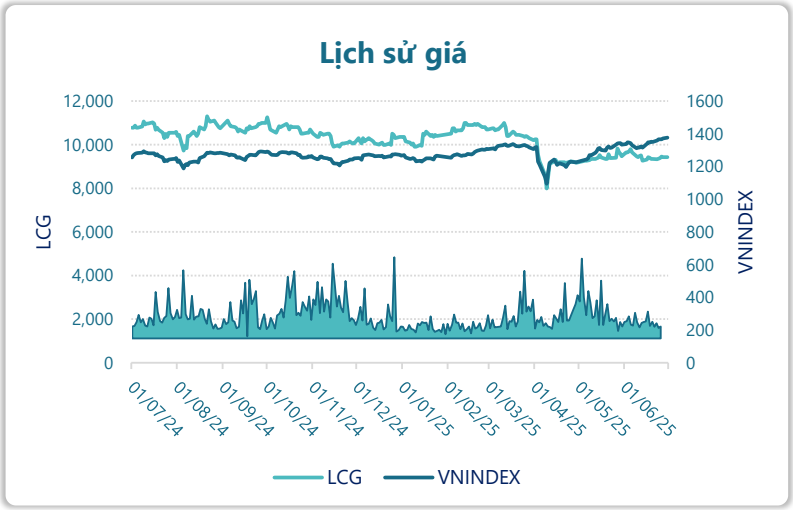
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,430**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,990
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,765,330
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,821
P/E	14.6
EPS	645

DT thuần

Q2/25

732

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 304| 71.0%

YoY: ▼12.0| -1.6%

LN sau thuế

Q2/25

30.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.1| 49.7%

YoY: ▼13.1| -30.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.7%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

6T 2025

1,160

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 105| 10.0%

LN sau thuế

6T 2025

50.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.30| -12.5%

ROE

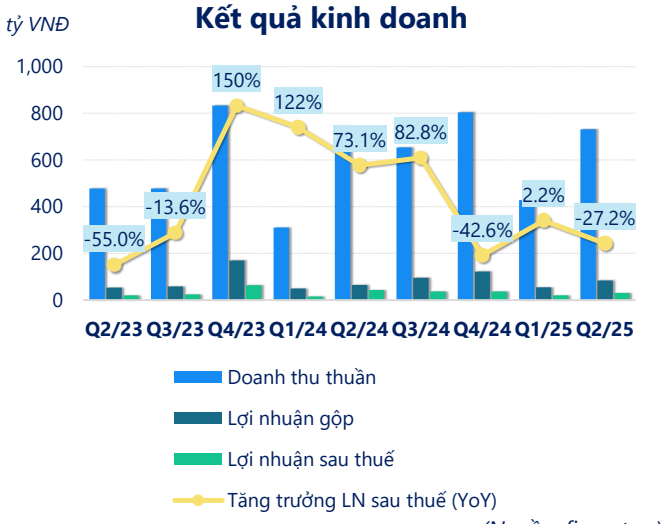
Q2/25

4.7%

+/- YoY: ▼ 1.1%

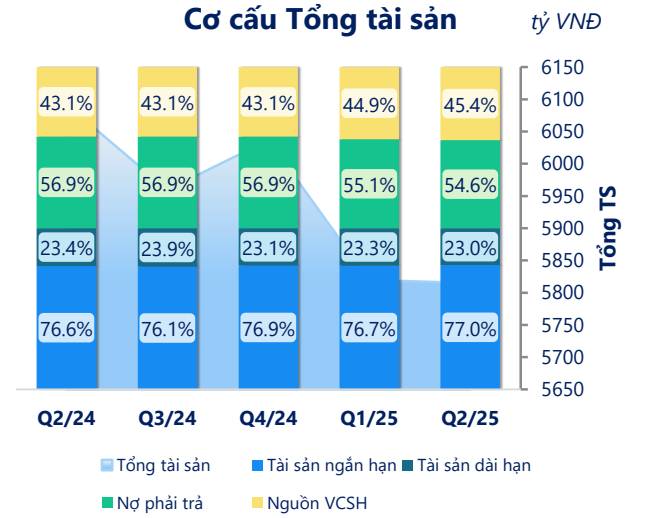
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



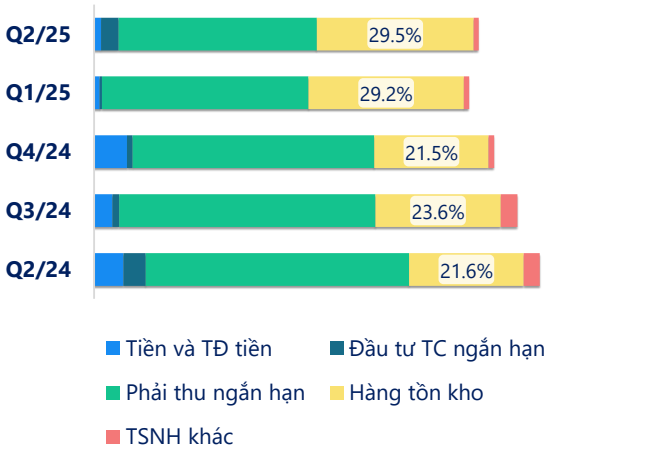
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



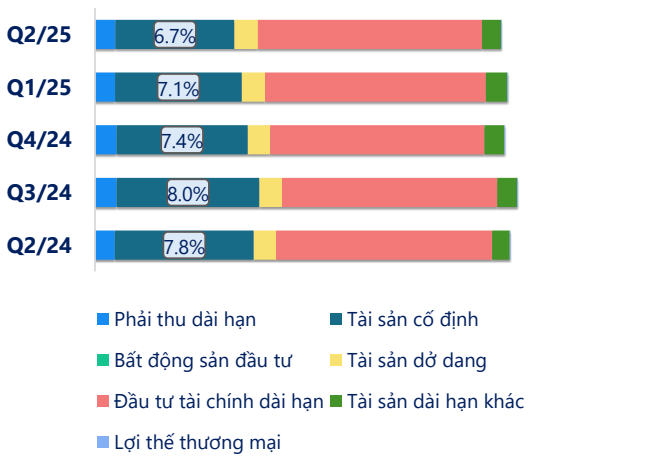
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



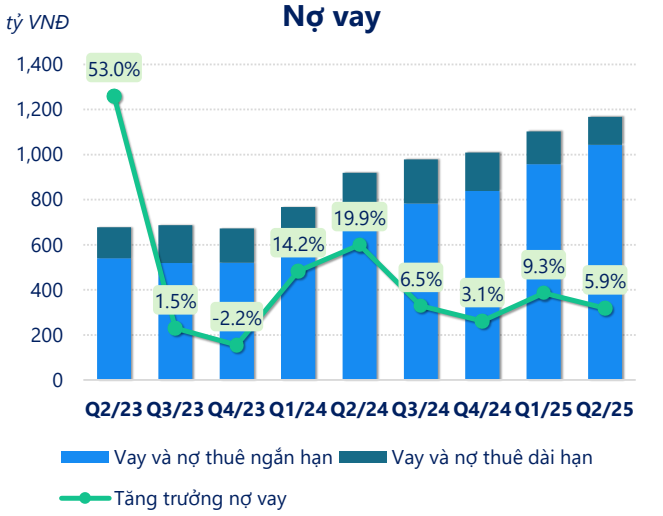
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



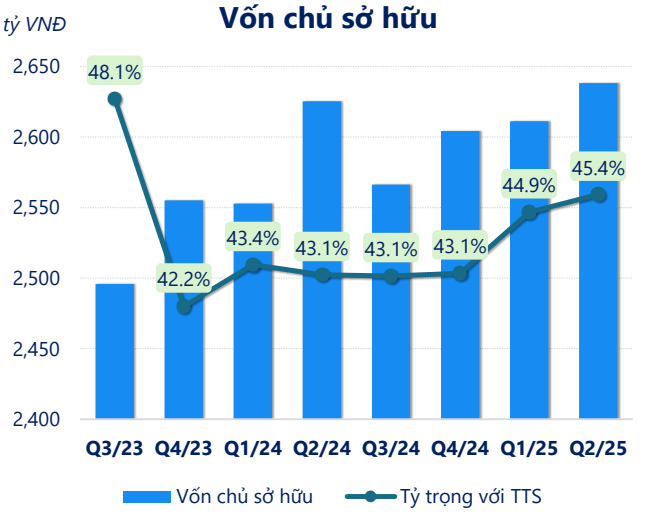
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



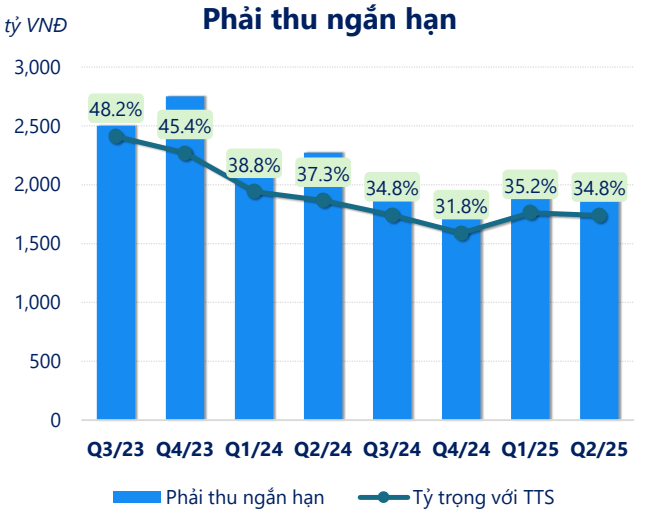
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



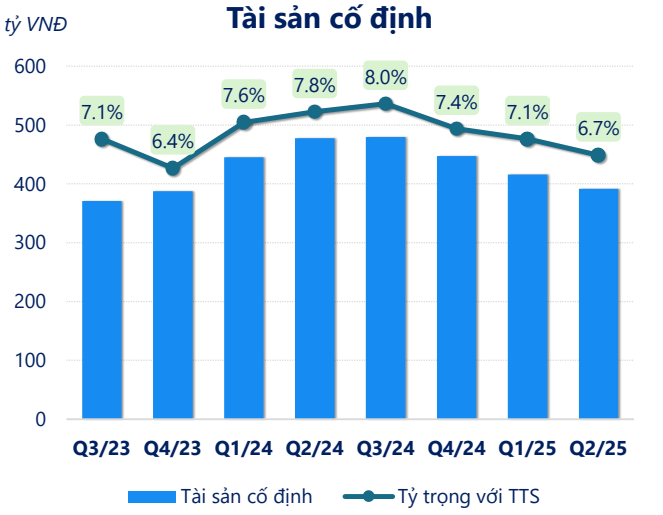
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



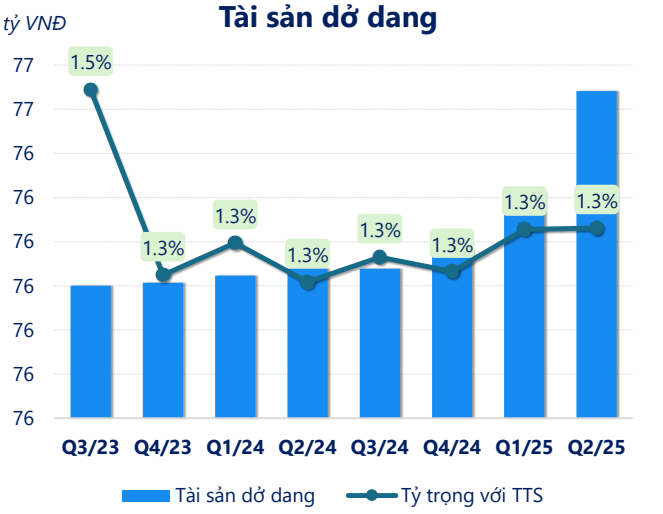
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



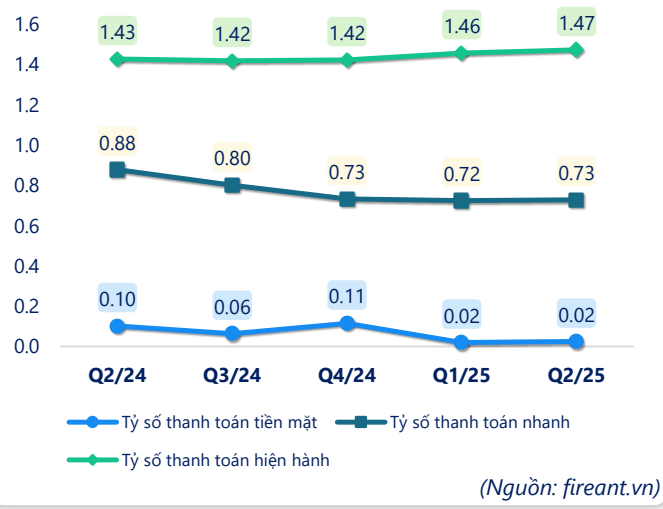
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



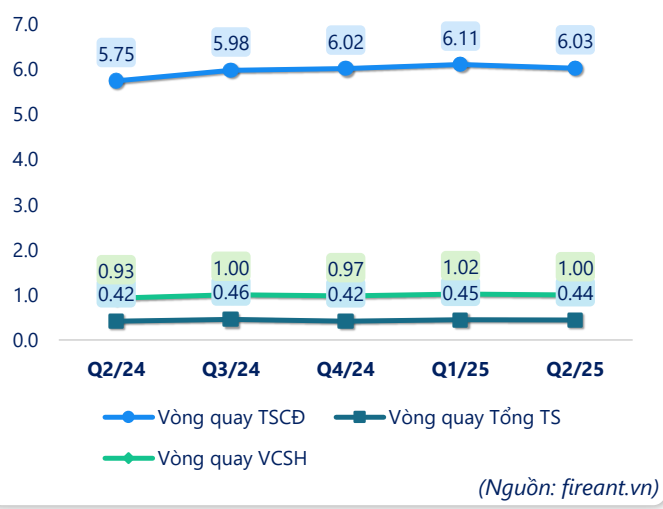
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,092**	**5,959**	**6,037**	**5,820**	**5,815**
Tài sản ngắn hạn	**4,664**	**4,537**	**4,640**	**4,463**	**4,480**
Tiền và tương đương tiền	334	204	374	60.5	74.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	202	208	17.2	20.8	11.0
Phải thu ngắn hạn	2,272	2,076	1,919	2,051	2,023
Hàng tồn kho	1,796	1,977	2,250	2,245	2,264
Tài sản ngắn hạn khác	59.7	71.6	79.0	86.1	108
Tài sản dài hạn	**1,428**	**1,423**	**1,397**	**1,357**	**1,335**
Phải thu dài hạn	68.4	73.1	73.1	66.2	66.7
Tài sản cố định	477	479	447	416	391
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.4	76.4	76.4	76.5	76.5
Đầu tư tài chính dài hạn	742	723	730	725	735
Tài sản dài hạn khác	60.4	67.5	67.5	70.3	63.1
Lợi thế thương mại	3.47	3.12	2.77	2.41	2.06
Nợ phải trả	**3,467**	**3,393**	**3,433**	**3,208**	**3,177**
Nợ ngắn hạn	**3,264**	**3,195**	**3,259**	**3,061**	**3,040**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	719	783	838	957	1,043
Phải trả người bán ngắn hạn	737	695	742	659	677
Nợ dài hạn	203	198	173	148	137
Vay và nợ thuê dài hạn	201	196	171	146	125
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,625**	**2,566**	**2,604**	**2,611**	**2,638**
Vốn chủ sở hữu	**2,625**	**2,566**	**2,604**	**2,611**	**2,638**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	1,951	1,951	1,951
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)